TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 292/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 20 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 179/2026/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026 về việc*"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Ông Phan Văn D, sinh năm 1985; CCCD số: 048085007356, ngày cấp: 10/9/2025; nơi cấp: Bộ Công an; địa chỉ: đường T, phường H, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1991; CCCD số: 048191006886, ngày cấp: 25/6/2023; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; địa chỉ: đường Tô H, phường K, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình đề ngày 01/4/2026 và tại phiên hòa giải ngày 12/5/2026 của người yêu cầu ông Phan Văn D và bà Phạm Thị Thu H yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân*:* Ông Phan Văn D và bà Phạm Thị Thu H tự nguyện kết hôn vào ngày 17/10/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường K, thành phố Đà Nẵng). Do đó hôn nhân của ông, bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Các bên thừa nhận quá trình chung sống mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên không đồng ý đoàn tụ và thống nhất ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Phan Văn D và bà Phạm Thị Thu H có 02 con chung là Phan An T, sinh ngày 11/7/2013 và Phan Bảo H, sinh ngày 04/4/2021. Ông D và bà H thỏa thuận thống nhất giao 02 con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Bà H không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung và việc không phải cấp dưỡng nuôi con chung của ông D và bà H là thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của ông D và bà H.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phan Văn D và bà Phạm Thị Thu H thống nhất không có.

[4] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*, ông Phan Văn D và bà Phạm Thị Thu H tự nguyện chịu.

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phan Văn D và bà Phạm Thị Thu H.

- Về con chung: Ông Phan Văn D và bà Phạm Thị Thu H thỏa thuận thống nhất giao 02 con chung Phan An T, sinh ngày 11/7/2013 và Phan Bảo H, sinh ngày 04/4/2021 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*, ông Phan Văn D và bà Phạm Thị Thu H tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* ông D, bà H đã nộp theo biên lai thu số 0003620 ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Đà Nẵng;
- UBND phường K, Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ việc dân sự;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Vân

TAND KHU VỰC 2

MOA200526.TL.QDBA
1214